



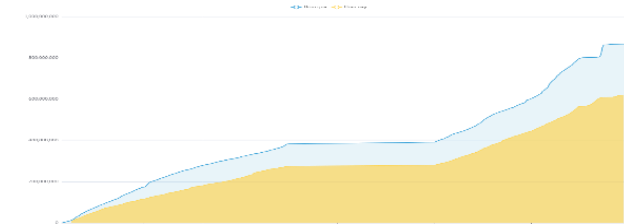
ÁP LỰC BÁN TIẾP TỤC DUY TRÌ, VN-INDEX MẤT HƠN 10 ĐIỂM

Bản tin ngày 02/04/2025

THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

|                    | HSX      | HNX    |
|--------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa       | 1.317,33 | 236,42 |
| Thay đổi           | 10,47    | 1,36   |
| Thay đổi %         | 0,80%    | 0,58%  |
| KLGD (Triệu CP)    | 585,8    | 74,7   |
| GTGD (Tỷ)          | 14.995   | 1.146  |
| Độ rộng thị trường |          |        |
| CP tăng giá        | 170      | 81     |
| CP giảm giá        | 283      | 106    |
| CP tham chiếu      | 87       | 61     |
| P/E                | 13,03    | 30,60  |
| P/B                | 1,70     | 1,60   |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI     |
|-----------|----------|----------|-------|--------|
| VN30      | 1.376,9  | 13,03    |       |        |
| VN30F1M   | 1.357,0  | +1,5     | 19,91 | 54.573 |



Nguồn: Fireant

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

- VN-Index kết phiên tăng 10,47 điểm (+0.8%), đóng cửa tại 1.317,33 điểm.
- Độ rộng của thị trường nghiêng về phe mua với 308 mã tăng và 133 mã tăng.
- Thị trường mở phiên khá tích cực với việc mở gap up, sau đó dòng tiền tiếp tục lan tỏa giúp chỉ số hồi phục ấn tượng.
- Sắc xanh lan tỏa khắp các nhóm ngành, từ ngân hàng, chứng khoán, đến bất động sản, thép. Nổi bật hơn cả là nhóm cổ phiếu họ nhà Vin như VHM, VRE và VIC
- Ở chiều ngược lại, nhóm công nghệ tiếp tục gặp phải áp lực bán.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HOSE với giá trị khoảng 440 tỷ, tập trung ở cổ phiếu MSN, FRT và SSI.

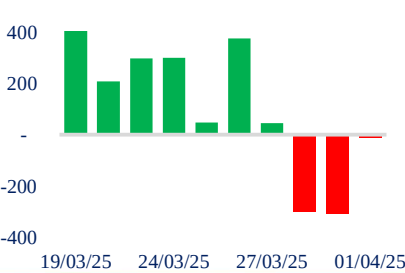
PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Chỉ số VN-Index hồi phục tích cực sau khi giảm về vùng hỗ trợ, tuy nhiên thanh khoản vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn còn khá thận trọng. Rủi ro điều chỉnh vẫn còn.

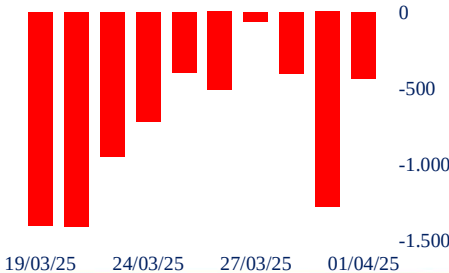
CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- Rủi ro điều chỉnh, nhà đầu tư giữ tỷ trọng ở mức hợp lý và tiếp tục quan sát thị trường
- Kịch bản 1 (70%): VN-Index đi ngang tích lũy tại vùng hỗ trợ 1.300 điểm
  - Kịch bản 2 (30%): VN-Index giảm về vùng 1.290 điểm

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



Danh mục khuyến nghị mới

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | Loại khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|----------|--------------|-------------|------------------|
|-----|-------------|--------------|---------|----------|--------------|-------------|------------------|



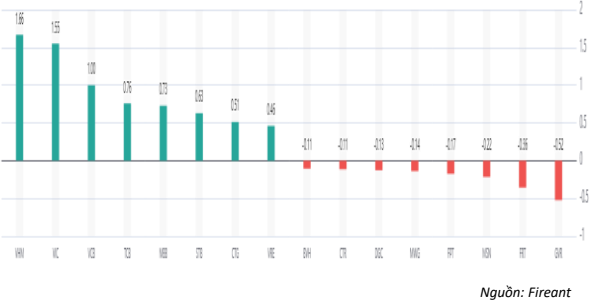
ÁP LỰC BÁN TIẾP TỤC DUY TRÌ, VN-INDEX MẤT HƠN 10 ĐIỂM

Bản tin ngày 02/04/2025

Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành                       | Ngày   | Tháng   |
|-----------------------------|--------|---------|
| Dầu khí                     | 2,16%  | -8,41%  |
| Hóa chất                    | -1,16% | -4,55%  |
| Tài nguyên Cơ bản           | 0,88%  | -4,54%  |
| Xây dựng và Vật liệu        | 0,19%  | -2,60%  |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp  | 0,49%  | -0,95%  |
| Ô tô và phụ tùng            | -0,36% | 1,37%   |
| Thực phẩm và đồ uống        | 0,16%  | -2,49%  |
| Hàng cá nhân & Gia dụng     | -0,03% | -7,74%  |
| Y tế                        | -0,26% | -2,05%  |
| Bán lẻ                      | -1,61% | -1,70%  |
| Truyền thông                | 0,94%  | -9,68%  |
| Du lịch và Giải trí         | 0,96%  | 1,09%   |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | 0,50%  | -0,75%  |
| Ngân hàng                   | 0,98%  | 0,13%   |
| Bảo hiểm                    | -0,75% | -4,84%  |
| Bất động sản                | 2,13%  | 14,97%  |
| Dịch vụ tài chính           | 0,54%  | 0,12%   |
| Công nghệ Thông tin         | -0,31% | -13,34% |

Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Nguồn: Fireant

Top NN mua ròng HSX

| Mã  | Đóng cửa | Thay đổi |   |       | KLGD       |
|-----|----------|----------|---|-------|------------|
| VRE | 20       | 0,85     | / | 4,44% | 16.455.600 |
| VHM | 53       | 1,70     | / | 3,31% | 11.851.000 |
| GEX | 24,4     | 0,90     | / | 3,83% | 33.420.300 |
| VIC | 59,7     | 1,70     | / | 2,93% | 7.757.400  |
| VCI | 39       | 0,70     | / | 1,83% | 6.249.400  |

Top NN bán ròng HSX

| Mã  | Đóng cửa | Thay đổi |   |        | KLGD       |
|-----|----------|----------|---|--------|------------|
| SSI | 26,05    | 0,05     | / | 0,19%  | 18.403.501 |
| MSN | 66,2     | -0,60    | / | -0,90% | 6.498.900  |
| FRT | 154      | ###      | / | -6,67% | 836.000    |
| FPT | 120,5    | -0,50    | / | -0,41% | 8.304.728  |
| DGC | 98,2     | -1,40    | / | -1,41% | 2.477.100  |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã  | Tên              | Vị trí                               | Ngày       | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|------------------|--------------------------------------|------------|---------|------------|
| DHC | Nguyễn Quốc Bình | Thành viên Ban kiểm soát             | 01/04/2025 | Mua     | 102.000    |
| DHC | Nguyễn Thị Thủy  | ---                                  | 31/03/2025 | Mua     | 300.000    |
| HDG | Hoàng Đình Hùng  | Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập | 31/03/2025 | Mua     | 75.000     |
| ASG | Dương Đức Tính   | Chủ tịch Hội đồng Quản trị           | 31/03/2025 | Mua     | 3.500.000  |
| LBM | AFC VF Limited   | ---                                  | 31/03/2025 | Mua     | 0          |

TIN TỨC

Trong nước

[Vì sao hơn 5,2 triệu hộ kinh doanh 'mãi không chịu lớn'?](#)  
[Những điểm nghẽn làm miền Tây tụt hậu](#)  
[Tăng trưởng kinh tế 2025: Chờ gió đông!](#)

Doanh nghiệp

[VRE đặt mục tiêu lãi kỷ lục](#)  
[OCB đặt mục tiêu LNTT 2025 tăng 33%](#)  
[Tập đoàn Bảo Việt đạt hơn 2,000 tỷ đồng LNST 2024](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Bắc Kinh bơm 72 tỷ USD mua cổ phần các ngân hàng lớn](#)  
[Ông Trump dọa sẽ áp thuế 25% với dầu mỏ Nga](#)  
[Các nền kinh tế tìm cách thích ứng với áp lực thuế quan](#)

Hàng hóa

[Giá lợn hơi tăng cao, người nuôi tích cực tái đàn](#)  
[Vàng thế giới lên mốc 3.140 USD](#)  
[Phát hiện 40 mỏ vàng ở Tây Bắc](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

|    |     | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|----|-----|----------------------|----------|
| 1  | SHB | 37.912.504           | 0,00%    |
| 2  | GEX | 33.420.300           | 3,83%    |
| 3  | VIX | 25.158.400           | 2,04%    |
| 4  | SSI | 18.403.501           | 0,19%    |
| 5  | VRE | 16.455.600           | 4,44%    |
| 6  | MSB | 16.326.391           | 0,00%    |
| 7  | HDB | 15.831.100           | 1,58%    |
| 8  | MBB | 15.642.910           | 2,07%    |
| 9  | HPG | 14.420.607           | 0,93%    |
| 10 | STB | 12.814.400           | 3,66%    |

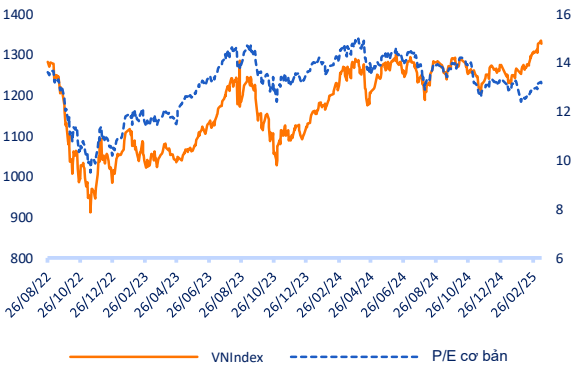
Giá hàng hóa

|              | Đóng cửa | Thay đổi | %      |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng         | 2462,8   | -0,50    | -0,02% |
| Bạc          | 27,52    | -0,08    | -0,29% |
| Đồng         | 4,0395   | 0,08     | 2,03%  |
| Dầu thô      | 0,14     | 0,00     | -0,68% |
| Dầu Brent    | 79,25    | 0,09     | 0,11%  |
| Khí Tự nhiên | 2,172    | 0,05     | 2,12%  |
| Khí đốt      | 2,3624   | 0,00     | 0,20%  |
| Đường        | 18,61    | 0,04     | 0,22%  |
| Heo nạc      | 73,55    | -1,02    | -1,37% |
| Cà phê       | 237,5    | -1,85    | -0,77% |

Tỷ giá hối đoái

|         |        | Thay đổi |     | Mua    | Bán    |
|---------|--------|----------|-----|--------|--------|
| USD/VND | 25420  | 0,28%    | USD | 23.644 | 26.026 |
| EUR/VND | 27031  | 0,19%    | EUR | 25.536 | 28.224 |
| GBP/VND | 32290  | 0,01%    | GBP | 30.490 | 33.699 |
| USD/VND | 165,00 | 0,00%    | JPY | 158    | 174    |
| AUD/VND | 28282  | -0,20%   | CHF | 26.709 | 29.520 |

Định giá thị trường





# ÁP LỰC BÁN TIẾP TỤC DUY TRÌ, VN-INDEX MẤT HƠN 10 ĐIỂM

Bản tin ngày 02/04/2025

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | MWG         | 58,60        | 60,3    | 05/12/2024 | 70           | 56          | -2,8%    | Nắm giữ                |
| 2   | HCM         | 30,90        | 30      | 24/02/2025 | 34           | 28,5        | 3,0%     | Nắm giữ                |
| 3   | HSG         | 17,6         | 18,6    | 04/03/2025 | 21,5         | 17,5        | -5,4%    | Nắm giữ                |
| 4   | VIX         | 12,5         | 11,3    | 04/03/2025 | 14,5         | 10,5        | 10,6%    | Nắm giữ                |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | HPG         | 27,00        | 26,5    | 08/10/2024 | 34           | 25          | 1,9%     | Mua mới                |
| 2   | TCB         | 27,95        | 21,85   | 20/08/2024 | 26,2         | 20,8        | 27,9%    | Nắm giữ                |
| 3   | CTG         | 41,85        | 35      | 19/09/2024 | 45           | 33          | 19,6%    | Nắm giữ                |
| 4   | KDH         | 32,60        | 33      | 18/10/2024 | 38,5         | 31          | -1,2%    | Nắm giữ                |
| 5   | STB         | 39,70        | 38,3    | 20/02/2025 | 44           | 35,4        | 3,7%     | Nắm giữ                |
| 6   | SZC         | 41,45        | 41,7    | 21/02/2025 | 45,8         | 41,2        | -0,6%    | Nắm giữ                |
| 7   | KBC         | 30,55        | 29,4    | 20/02/2025 | 35           | 26,7        | 3,9%     | Nắm giữ                |
| 8   | MWG         | 58,60        | 54,1    | 21/02/2025 | 74           | 46          | 8,3%     | Nắm giữ                |
| 9   | FPT         | 120,50       | 143,6   | 20/02/2025 | 190          | 122,1       | -16,1%   | Nắm giữ                |
| 10  | HAH         | 52,90        | 53,3    | 21/02/2025 | 60           | 50          | -0,8%    | Nắm giữ                |
| 11  | DGC         | 98,20        | 106     | 20/02/2025 | 140          | 90,6        | -7,4%    | Nắm giữ                |
| 12  | MSH         | 59,20        | 59      | 21/02/2025 | 63           | 57          | 0,3%     | Nắm giữ                |
| 13  | VCG         | 21,80        | 21,6    | 20/02/2025 | 27           | 18,9        | 0,9%     | Nắm giữ                |



# ÁP LỰC BÁN TIẾP TỤC DUY TRÌ, VN-INDEX MẤT HƠN 10 ĐIỂM

Bản tin ngày 02/04/2025

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | VPB         | 19,7    | 18,5    | 08/11/2024 | 20           | 17          | 6,5%     | Chốt lời               |
| 2   | VTP         | 119     | 81,8    | 20/11/2024 | 93           | 73,0        | 45,5%    | Chốt lời               |
| 3   | HSG         | 17,4    | 18,5    | 18/12/2024 | 21           | 17,7        | -5,9%    | Cắt lỗ                 |
| 4   | CTD         | 89      | 73      | 03/03/2025 | 90           | 66,0        | 21,9%    | Chốt lời               |
| 5   | HHV         | 12,7    | 12,6    | 03/03/2025 | 14,5         | 11,5        | 0,8%     | Chốt lời               |
| 6   | ACV         | 28,8    | 31,3    | 22/10/2024 | 35           | 27,0        | -8,0%    | Cắt lỗ                 |
| 7   | NTL         | 17      | 18      | 20/03/2025 | 22,5         | 16          | -5,6%    | Cắt lỗ                 |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán   | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1   | DPR         | 37,3    | 40      | 18/11/2024 | 48           | 38          | -6,8%    | Cắt lỗ                 |
| 2   | NLG         | 37      | 41,5    | 18/11/2024 | 47,3         | 39,6        | -10,8%   | Cắt lỗ                 |
| 3   | VHC         | 62      | 70      | 28/03/2025 | 83,8         | 69          | -11,4%   | Cắt lỗ                 |
| 4   | TCM         | 38,2    | 45      | 28/03/2025 | 55           | 42          | -15,1%   | Cắt lỗ                 |
| 5   | PNJ         | 82      | 95,4    | 28/03/2025 | 112          | 87,1        | -14,0%   | Cắt lỗ                 |



# ÁP LỰC BÁN TIẾP TỤC DUY TRÌ, VN-INDEX MẤT HƠN 10 ĐIỂM

Bản tin ngày 02/04/2025

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải                                              |
|----------------------|--------------------------------------------------------|
| MUA                  | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI             | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%     |
| NẮM GIỮ              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%   |
| BÁN                  | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%  |

## © CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

### Hội sở Hồ Chí Minh

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

|                   |                                                                                                          |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích<br><a href="mailto:hoang.nguyenminh@vfs.com.vn">hoang.nguyenminh@vfs.com.vn</a> |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:long.nguyen@vfs.com.vn">long.nguyen@vfs.com.vn</a>              |
| Nguyễn Thị Mai    | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:mai.nguyen@vfs.com.vn">mai.nguyen@vfs.com.vn</a>                |
| Nguyễn Thị Huyền  | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:huyen.nguyen@vfs.com.vn">huyen.nguyen@vfs.com.vn</a>            |
| Nguyễn Anh Quân   | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:quan.nguyen@vfs.com.vn">quan.nguyen@vfs.com.vn</a>              |
| Lê Thị Ngọc       | Chuyên viên phân tích<br><a href="mailto:ngoc.le@vfs.com.vn">ngoc.le@vfs.com.vn</a>                      |